

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 15-5-2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Ân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Kiều Minh Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Lương** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1981, tại: xã H, huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh L; nghề nghiệp: không, trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; có vợ Đào Thị M, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và 01 con là Đào Thị H1, sinh năm: 1981;

Tiền sự: không;

Tiền án: 01,

Ngày 24/9/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L tuyên phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong ngày 11/02/2020.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 20/02/2020 và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Cháu **Phạm Trần Nguyên B**, sinh ngày 19/01/2006 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Trần Nguyên B là chị **Trần Thị**

Mộng T, sinh năm: 1978 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: số XA, Khóm M, Phường J, thành phố TV, tỉnh TV.

+ Anh **Nguyễn Hữu C1**, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Q1, xã P, huyện V, tỉnh L.

+ Anh **Huỳnh Thanh H2**, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Q2, xã T, huyện V, tỉnh L.

+ Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T1, xã P, huyện V, tỉnh L.

+ Anh **Lê Văn C2**, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Trú tại: số 14/39 HL, phường TT, quận BT, Thành phố HC.

+ Cháu **Lê Thị Ngọc T2**, sinh ngày 20/7/2002 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Thị Ngọc T2 là anh **Lê Văn K**, sinh năm: 1973 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp Quang Mỹ, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1974 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: ấp Phú Điền, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 17/02/2020 bị cáo Nguyễn Văn L, sinh năm 1981, ngụ ấp P, xã H, huyện V, tỉnh L điều khiển xe mô tô biển số 51K3-9172 đi một mình lưu thông trên đường nhựa liên xã P đến xã H. Khi đi ngang qua nhà anh Lê Văn K, sinh năm 1973, ngụ ấp Q, xã H, huyện V, L nhìn thấy ở dưới mái che ngoài sân phía trước nhà có người đang nằm trên võng ngủ, nhà có mở cửa trước. L liền dựng xe cặp lề đường và đi bộ vòng qua bên hông nhà thấy cửa nhà sau mở, L lên vào bên trong đi đến phòng ngủ lấy trộm 250.000đ trong bóp da để trên giường. Cùng lúc này cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20/7/2002 là con của anh K phát hiện có người lạ đang lấy trộm đồ trong phòng ngủ nên tri hô lên, L bỏ chạy ra ngoài thì bị anh K cùng Công an xã H bắt giữ.

Qua kiểm tra trên người L thu giữ tang vật gồm: 02 điện thoại di động Iphone 6; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng bạc; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen trắng; 02 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại di động Nokia màu trắng và 336.000 đồng;

Quá trình điều tra Nguyễn Văn L khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/02/2020 L điều khiển xe mô tô biển số 51K3-9172 đi trên tỉnh lộ 906 hướng H - P mục đích để lấy trộm tài sản. Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 16 giờ 20 phút ngày 17/02/2020 L đã thực hiện 05 vụ trộm cắp trên địa bàn 02 xã H và P cụ thể như sau:

- Vụ thứ 1: L điều khiển xe đi trên đường tỉnh lộ 906 hướng xã H - xã P, khi đi ngang nhà của chị Trần Thị Mộng T4, sinh năm 1985 ngụ tại ấp Q, xã P thấy nhà mở cửa không ai trông coi nên L vào lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài;

- Vụ thứ 2; L tiếp tục điều khiển xe đi trên đường tỉnh lộ 906 về P khi đến cầu Nam Trung 1 gần UBND xã P, L điều khiển xe đi vào khu dân cư nằm cách chợ Hiếu Phụng khoảng 100m. Khi đi ngang nhà anh Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1972 ngụ tại ấp Q, xã P, nhà anh C mở cửa không có người trông giữ, L đi vào bên trong nhà lấy 01 điện thoại di động Oppo rồi nhanh chóng tẩu thoát;

- Vụ thứ 3: L tiếp tục điều khiển xe đi vào lộ nhựa liên ấp H, xã P – ấp Q, xã H khi đi ngang nhà anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1968, ngụ tại ấp T, xã P không thấy người trông giữ, L đi vào bên trong nhà lấy 02 điện thoại di động (01 Samsung; 01 Iphone 6) rồi tẩu thoát;

Vụ thứ 4: L tiếp tục điều khiển xe đi trên lộ nhựa liên ấp T, xã P – ấp Q, xã P. Khi đi ngang nhà anh Huỳnh Thanh H2 sinh năm 1987, ngụ tại ấp Q, xã H không thấy người trông giữ, L vào bên trong lấy 02 điện thoại di động (01 Nokia 6.1; 01 Nokia 6.1plus) rồi tẩu thoát;

Vụ thứ 5: Lần sau cùng vào nhà anh Lê Văn K lấy trộm 250.000đ thì bị bắt quả tang như đã nêu trên;

Tại kết luận định giá số 15/KL-HĐĐGTS ngày 18/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm định giá: 01 điện thoại di động Iphone 6 bị bể màn hình có giá trị thành tiền là 800.000đ; 01 điện thoại di động Iphone 6 có giá trị thành tiền là 1.500.000đ; 01 điện thoại di động Nokia 6.1 có giá trị thành tiền là 1.000.000đ; 01 điện thoại di động Nokia 6.1 plus có giá trị thành tiền là 1.500.000đ; 01 điện thoại di động Samsung có giá trị thành tiền là 500.000đ; 01 điện thoại di động Oppo có giá trị thành tiền là 150.000đ;

Tổng giá trị thành tiền 06 điện thoại di động là: 5.450.000 đồng và số tiền 250.000đ, tổng tài sản mà bị cáo L lấy trộm là 5.700.000 đồng;

Sau khi điều tra xác minh làm rõ Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị mất cho các bị hại.

- *Các bị hại:* Cháu Phạm Trần Nguyên B có người đại diện hợp pháp là chị Trần Thị Mộng T, anh Nguyễn Hữu C1, anh Huỳnh Thanh H2, anh Nguyễn Văn D, anh Lê Văn C2, cháu Lê Thị Ngọc T2 có người đại diện hợp pháp là anh Lê Văn K cùng có ý kiến là đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* anh Nguyễn Văn T3 đã nhận lại tài sản là xe mô tô 51K3-9172 nên không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ

quyền công tố luận tội và tranh luận:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L có mức án 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất xong và không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô 51K3-9172 L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định xe trên là của anh Nguyễn Văn T4. L tự ý lấy xe đi trộm cắp, anh T4 không hay biết việc L đi trộm cắp tài sản của người khác, anh T4 không có lỗi trong vụ án này. Ngày 22/3/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm đã trả lại cho anh T4 xe mô tô nêu trên.

Về 01 điện thoại Nokia màu trắng và số tiền 86.000đ là của bị cáo Nguyễn Văn L không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại cho bị cáo.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- *Ý kiến của bị cáo:* Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản cáo trạng đã nêu. Vào ngày 17/02/2020 thì bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại là cháu Phạm Trần Nguyên B, anh Nguyễn Hữu C1, anh Huỳnh Thanh H2, anh Nguyễn Văn D, anh Lê Văn C2, cháu Lê Thị Ngọc T2 với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.700.000đ.

[2] Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Văn L là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ và làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh ở địa phương

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do lòng tham, muốn có tiền

tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội đến cùng với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, có đủ cơ sở khách quan để kết luận bị cáo đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” như cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hiện nay tình hình tội phạm trên địa bàn huyện xảy ra ngày càng nhiều, đặc biệt là các tội phạm liên quan đến quyền sở hữu tài sản của công dân, tính chất mức độ của tội phạm ngày càng nguy hiểm do vậy cần xử phạt bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo như sau: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là tái phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm xong không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 51K3-9172 bị cáo L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định xe trên là của anh Nguyễn Văn T4 và Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho anh Tùng xong.

Về 01 chiếc điện thoại Nokia màu trắng, số tiền 86.000đ thì đây là tài sản của bị cáo L không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại cho bị cáo L.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 và điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành án phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17/02/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất xong không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử lý vật chứng như sau:

Đối với xe mô tô biển số 51K3-9172 bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định xe trên là của anh Nguyễn Văn T4 và Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho anh Nguyễn Văn T3 xong.

Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 chiếc điện thoại Nokia màu trắng, số tiền 86.000 đồng (đang được lưu giữ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/03/2020)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, Điều 22 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Riêng bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét phúc thẩm lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Trần Văn Ân

